

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-ST
Ngày: 11-7-2022
*V/v tranh chấp hợp đồng thi
công xây dựng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phong

2. Ông Phạm Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm: 1965

Địa chỉ: ấp C xã D thành phố E tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà B, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp 2 xã F huyện T tỉnh Long An.

(ông A có mặt, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông A trình bày:

Ông làm nghề thầu xây dựng. Ông và bà B là chỗ quen biết do trước đây ông hay nhận xây dựng nhà trên khu dân cư gần chỗ bà B ở.

Trước năm 2021 ông cũng nhận xây, hoàn thành 02 căn nhà của bà B và đã thanh toán xong tiền bạc với nhau.

Ngoài ra bà B có 01 căn nhà tại khu dân cư ấp 2 xã F huyện T.

Vào tháng 01/2021 giữa ông và bà B có thỏa thuận ông nhận xây dựng gác lửng phía trên căn nhà hiện có của bà B, nền sàn giả, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng, giá là 170.000.000 đồng, bao gồm tiền vật tư và tiền công xây dựng. Các hạng mục phải làm: 01 phòng ngủ, 01 phòng khách, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà bếp, diện tích khoảng 50m², quy cách: xây tường, dán gạch cao 1,8m, phần còn lại sơn, trần đóng la phong, lợp tole lạnh, phần hành lang ngang khoảng 4,5m, dài khoảng 2,2m: lát gạch, xây tường cao 1,2m, dán gạch, **phần hàng rào sắt, ngoài ra còn nhận gắn thêm 2 cái quạt máy trong phòng khách và phòng ngủ**. Trong quá trình thi công bà B sẽ đưa trước 130.000.000 đ, để lại 40.000.000 đồng sau khi hoàn thành xong bà B sẽ trả cho ông mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến hết số tiền 40.000.000 đồng. Ông thuê khoảng 3-4 người để cùng xây dựng nhà bà B với ông. Khoảng tháng 5/2021 ông đã thi công xong các hạng mục trên cho bà B, **trừ phần hàng rào sắt, bà B nói là gắn lên ảnh hưởng thẩm mỹ căn nhà nên không làm**, bà B đã đồng ý, vào nhà ở, không có ý kiến gì cũng không yêu cầu sửa chữa gì đối với các hạng mục ông thi công. Bà B đã đưa cho ông số tiền 140.000.000 đồng, đưa 3-4 lần, những lần đưa tiền không có làm biên nhận. Sau đó do dịch covid, giãn cách xã hội nên ông và bà B cũng không có gặp nhau để trả số tiền 30.000.000 đồng như thỏa thuận. Khoảng tháng 9 – 10/2021 ông có gặp bà B để yêu cầu trả tiền, bà B nói là hết tiền trả tiền cho ông nhưng bà B không trả. Ông có khiếu nại lên UBND xã F nhưng bà B vắng mặt.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà B có trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả 01 lần.

Bị đơn bà B trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2022:

Bà và ông A là chỗ quen biết, bà có sở hữu một căn nhà tại khu dân cư ấp 2 xã F được xây dựng năm 2010, quy cách: vách tường, móng cột bê tông, diện tích nhà ngang 4m dài 20m.

Năm 2021 bà có thỏa thuận với ông A về việc xây phần gác lửng phía trên nhà, khối lượng công việc gồm: 01 phòng ngủ, ngang 3m dài khoảng 7m có toi-let trong phòng, vách tường dán gạch, nền lát gạch, 01 phòng khách, ngang 4m dài khoảng 3m, 01 bếp và một ban công, ngang 4m dài khoảng 2m chỉ thỏa thuận miệng không làm hợp đồng.

Ông A sẽ mua vật liệu và thi công các phần trên với giá 170.000.000 đồng tuy nhiên trong quá trình xây dựng ông A không làm đúng theo yêu cầu, cụ thể các bên thỏa thuận lắp 03 quạt máy nhưng ông A chỉ gắn 01 quạt máy, ông A phải gắn hàng rào sắt che trước ban công nhưng ông A không làm. Quá trình xây dựng ông A làm vỡ gạch phòng khách nên bà phải thuê thợ khác để sửa chữa.

Ngoài ra ông A không đi ron cầu thang, không vệ sinh sạch sẽ khi thi công. Bà đã thanh toán cho ông A được tổng số tiền 140.000.000 đồng còn 30.000.000 đồng sẽ thanh toán khi hoàn tất xong khối lượng công việc như đã thỏa thuận ban đầu vì do dịch co-vid ông A hẹn lên hoàn tất công việc nhưng không lên nên bà phải thuê thợ khác để sửa chữa. Nay ông A yêu cầu bà trả số tiền 30.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì ông A đã làm công việc không đúng như thỏa thuận.

Căn nhà trên thuộc sở hữu của bà và số tiền 140.000.000 đồng là tiền bà bỏ ra trả cho ông A.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, đôi chất nhưng bà B vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ông A chỉ yêu cầu bà B hoàn trả số tiền 26.800.000 đồng do trừ lại giá trị phần hàng rào sắt, 02 quạt máy, 03 ngày công thợ.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Kim Loan – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà B là phù hợp.

Về nội dung vụ án: tại phiên tòa ông A thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tiền còn nợ là 26.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông A khởi kiện yêu cầu bà B hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng xuất phát từ việc ông A nhận thi công phần gác lửng căn nhà của bà B tại ấp 2 xã F huyện T. Bà B cư trú tại xã F huyện T tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện T giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*”.

Tại phiên tòa vắng mặt bà B nhưng xét thấy bà B đã được tổng đạt hợp lệ về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà B là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông A khởi kiện yêu cầu bà B có trách nhiệm hoàn trả số tiền thi công còn nợ lại là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông A thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà B hoàn trả số tiền 26.800.000 đồng. Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông A và bà B trình bày thống nhất vào năm 2021 bà B và ông A có thỏa thuận ông A sẽ mua vật tư và thi công phần gác lửng trên căn nhà hiện có của bà B tại ấp 2

xã F huyện T, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng. Nội dung các hạng mục cần làm:

01 phòng ngủ, 01 phòng khách, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà bếp, diện tích khoảng 50m², quy cách: xây tường, dán gạch cao 1,8m, phần còn lại sơn, trần đóng la phong, lợp tole lạnh, phần hành lang ngang khoảng 4,5m, dài khoảng 2,2m: lát gạch, xây tường cao 1,2m, dán gạch, **phần hàng rào sắt, ngoài ra còn nhận gắn thêm quạt máy trong phòng khách và phòng ngủ.**

Tổng giá trị là 170.000.000 đồng bao gồm vật tư và công xây dựng.

Trong quá trình xây dựng bà B trình bày bà B đã giao cho ông A số tiền 140.000.000 đồng, ông A thừa nhận có nhận số tiền 140.000.000 đồng.

Hiện nay bà B cũng thừa nhận còn nợ, chưa hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng từ việc thi công nhà cho ông A, vì:

Trong quá trình thi công phần lớn các hạng mục do 2 bên thỏa thuận đều đã được ông A hoàn tất, trừ phần hàng rào sắt trên ban – công, số quạt máy gắn tường, ông A trình bày do bà B đề nghị không gắn hàng rào sắt do ảnh hưởng thẩm mỹ, ông A cũng đã gắn 02 quạt máy cho bà B. Ngoài ra khi thi công bà B trình bày ông A có làm bề gạch trong phòng khách của bà, bà phải thuê người sửa chữa, ông A trình bày đã tiến hành sửa chữa cho bà B, ngoài lời trình bày bà B không cấp chứng cứ gì và Tòa án ban hành Quyết định đối chất, tổng đạt cho bà B để tiến hành đối chất mâu thuẫn trong lời trình bày của bà B và ông A tuy nhiên bà B đều vắng mặt cũng không có lời trình bày gửi cho Tòa án.

Bà B trình bày bà không đồng ý trả tiền cho ông A vì phải bỏ tiền ra thuê người sửa chữa những hư hỏng do ông A gây ra trong quá trình thi công nhưng bà B không có yêu cầu khấu trừ phần chi phí này cho ông A do đó Tòa án không xem xét.

Tại phiên tòa ông A thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà B hoàn trả số tiền 26.800.000 đồng vì ông đồng ý trừ lại giá trị 02 quạt máy, hàng rào sắt, 03 ngày công lao động để gắn quạt và hàng rào, tất cả là 3.200.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông B nên ghi nhận.

Việc bà B và ông A thỏa thuận thi công nhưng sau đó bà B không trả đủ tiền cho ông A là vi phạm thỏa thuận giữa các bên. Do đó có căn cứ buộc bà B có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn nợ lại cho ông A là 26.800.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Hoàn trả cho ông A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” với bà B.

Buộc bà B có nghĩa vụ hoàn trả cho ông A số tiền 26.800.000 đồng (hai mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng bà B còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà B phải nộp 1.340.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông A 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0002241 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện T,
- Chi cục THA huyện T,
- Các đương sự,
- Lưu HS, - Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm